

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 320, 323, 463, 466 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 26/2019/TLST-TCDS ngày 20 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐTP.T.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Địa chỉ: 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Thanh B - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP ĐTP.T - Chi nhánh Bắc Q,

Địa chỉ: Số 368 Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Người được ủy quyền lại: ông Nguyễn Xuân Th - chức vụ: Phó trưởng phòng quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP ĐTP.T- Chi nhánh Bắc Q,

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 368 Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1968; Địa chỉ nơi cư trú: thôn Th, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện Ngân hàng TMCP ĐTP.T và bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn T thỏa thuận. Đến hết ngày 20/01/2020 bà X, ông T còn dư nợ Ngân hàng TMCP ĐTP.T - Chi nhánh Bắc Q tổng số tiền là 601.308.398 đồng (Trong đó dư nợ gốc là

540.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 60.172.000 đồng; lãi quá hạn là 1.136.398 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8493575/HĐTD ngày 11/6/2018. Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản nợ trên và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 21/01/2020 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8493575/HĐTD ngày 11/6/2018 cho Ngân hàng TMCP ĐPT - Chi nhánh Bắc Q. Với phương án, lộ trình thời gian thanh toán nợ cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 25/03/2020 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 25/6/2020 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 25/ 9/2020 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 25/12/2020 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ năm: Ngày 25/03/2021 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Ngày 25/6/2021 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ bảy: Ngày 25/9/2021 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ tám: Ngày 25/12/2021 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ chín: Ngày 25/03/2022 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐTTPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ mười: Ngày 25/6/2022 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ mười một: Ngày 25/9/2022 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ mười hai: Ngày 25/12/2022 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ mười ba: Ngày 25/03/2023 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T

phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐTPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ mười bốn: Ngày 25/6/2023 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐTPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ mười lăm: Ngày 25/9/2023 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐTPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ mười sáu: Ngày 25/12/2023 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐTPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ mười bảy: Ngày 25/03/2024 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐTPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ mười tám: Ngày 25/6/2024 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP ĐTPT, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ mười chín: Ngày 25/9/2024 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ lãi cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, với số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ hai mươi: Ngày 25/12/2024 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ lãi cho Ngân hàng TMCP ĐTPT, với số tiền là 31.308.398 đồng.

Lần thứ hai mươi một: Ngày 25/03/2025 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày 21/01/2020, theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/8493575/HĐTD ngày 11/6/2018 mà ông, bà đã thỏa thuận ký kết với Ngân hàng TMCP ĐTPT.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ bất cứ kỳ thanh toán nào theo mốc thời gian như đã thỏa thuận ở trên, thì Ngân hàng TMCP ĐTPT được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình thực hiện các biện pháp xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: thửa đất số 165-1, tờ bản đồ số 02, diện tích 278m², địa chỉ: xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD AB607342, sổ vào sổ cấp GCN: H00133, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 30/9/2005, mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8493575/HĐBĐ ngày 22/4/2016; Tàu cá, số đăng ký QB 92074 TS, giấy chứng nhận đăng ký Tàu cá số 50486, ngày 26/6/2015 mang tên ông Nguyễn Văn T theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2016/8493575 HĐBĐ ngày 22/4/2016.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu 14.026.000 đồng (*Mười bốn triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP ĐTPT số tiền 13.847.000 đồng (*Mười ba triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

0003287 ngày 20 tháng 9 năm 2019 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình.

4. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Viết Hải